

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG  
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày: 02-3-2021

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Cường

2. Ông Nguyễn Tùng Châu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:*** không tham gia.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ trụ sở: Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Hồng S. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Vinh Long - Ngân hàng TMCP S. (Văn bản ủy quyền số 3978 ngày 16/12/2019). Địa chỉ: phường A, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Cao Hồng S: ông Nguyễn Phú Q. Chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ- Ngân hàng TMCP S – CN Vinh Long (văn bản ủy quyền

số 274 ngày 21/10/2020). Địa chỉ: phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn xin vắng mặt đề ngày 01/3/2021)

- **Bị đơn:** anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1988. Địa chỉ: đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2020 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) do anh Nguyễn Phú Q là người đại diện trình bày:

1. Ngày 20/3/2018, Ngân hàng ký với bị đơn Nguyễn Hồng P hợp đồng tín dụng số LD1807900662 để vay số tiền 120.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, thời điểm trả hết nợ ngày 20/3/2023, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 0,75%/tháng, phương thức trả nợ: vốn và lãi chia đều trả hàng tháng, lãi tính theo dư nợ ban đầu, cho vay không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay anh P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 75.410.216đ, tương đương với 26 kỳ vốn (gốc là 52.000.000đ, lãi là 23.410.216đ). Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng anh P vẫn không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng, anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LD1807900662. Đến ngày 30/6/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại hợp đồng đã ký, áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 02/3/2021, anh P còn nợ ngân hàng như sau:

Dư nợ gốc: 68.000.000đ.

Lãi trong hạn: 8.100.000đ.

Lãi quá hạn: 865.993đ.

Tổng cộng: 76.965.993đ.

2. Ngày 19/01/2016, ngân hàng ký với anh P hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh P, Ngân hàng đã cấp cho anh một thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, số thẻ 356480-6289, mục đích tiêu dùng cá nhân. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/01/2016 có thời hạn 05 năm, lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng.

Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bảng sao kê quá hạn trả thẻ, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh P không có thiện chí trả nợ, đã vi phạm Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Đến ngày 30/6/2020, Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 02/3/2021, anh P còn nợ số tiền:

Dư nợ gốc: 11.844.498đ.

Lãi quá hạn: 3.772.510đ.

Dư nợ: 15.617.008đ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu, anh P phải trả Ngân hàng tổng số tiền: **92.583.001đ** và chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày **03/3/2021** cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, lãi suất tính theo quy định tại hợp đồng của hai khoản vay đồng thời anh P phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Nguyễn Hồng P vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Phú Q là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hồng P được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hồng P trả Ngân hàng tiền vay theo hợp đồng tín dụng số LD1807900662 và hợp đồng mở thẻ tín dụng. Ngân hàng TMCP S là đơn vị hoạt động có đăng ký kinh doanh vì mục đích lợi nhuận, còn bị đơn Nguyễn Hồng P không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Đối với nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Nguyễn Hồng P đã được tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa hai lần hợp lệ: Lần thứ nhất vào ngày 04-01-2021 ngày mở phiên tòa lúc 07 giờ 30 phút ngày 28-01-2021; lần hai ngày 02/02/2021 ngày mở phiên tòa lúc 07 giờ 30 phút ngày 02/3/2021 nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét thấy, vào ngày 20/3/2018, Ngân hàng ký với bị đơn Nguyễn Hồng P hợp đồng tín dụng số LD1807900662 để vay số tiền 120.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, cho vay không có tài sản bảo đảm. Theo giấy nhận nợ ngày 20/3/2018, anh P đã nhận số tiền 120.000.000đ theo đúng hợp đồng đã thỏa thuận. Trong quá trình vay, anh P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 75.410.216đ, tương đương với 26 kỳ vốn (tiền vốn gốc là 52.000.000đ, lãi là 23.410.216đ), sau đó anh P ngưng không thanh toán nữa.

Do anh P đã nghỉ công tác tại Trường THCS Cao Thắng, Ngân hàng không liên lạc được với anh P nên Ngân hàng đã đến nhà anh P tại địa chỉ: đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để nhắc nhở anh P trả nợ cho Ngân hàng thể hiện qua biên bản làm việc ngày 20/3/2020 và ngày 30/3/2020 giữa Ngân hàng với chị Nguyễn Thị Thanh T là chị ruột của anh P nhưng đến nay anh P vẫn không liên lạc với Ngân hàng để bàn phương án trả nợ.

Ngày 19/3/2020, Ngân hàng đã Thông báo v/v thu hồi nợ gửi đến Trường THCS Cao Thắng – nơi anh P công tác và gọi trực tiếp cho anh P thông qua chị Nguyễn Thị Thanh T là chị ruột của anh P sống chung nhà với anh P nhận thay. Đến ngày 17/6/2020, Ngân hàng tiếp tục gửi Thông báo v/v thu hồi nợ cho anh P do chị Nguyễn Thị Thanh T là chị ruột của anh P nhận thay nhưng anh P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, từ ngày 30/6/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại điểm a mục 2 của Phụ lục các điều khoản chung đính kèm hợp đồng tín dụng nêu trên, áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng. Xét thấy, mặc dù anh P không đến dự phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến nhưng căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ xác định Ngân hàng cho anh P vay tiền là có thật, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tính đến ngày **02/3/2021**, anh P còn nợ ngân hàng hợp đồng tín dụng số LD1807900662 như sau:

**Dư nợ gốc: 68.000.000đ.**

**Lãi trong hạn: 8.100.000đ.**

**Lãi quá hạn: 865.993đ.**

**Tổng cộng: 76.965.993đ.**

[2.2] Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Vào ngày 19/01/2016, ngân hàng ký với anh P hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, số thẻ 356480-6289, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Anh P cũng vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh P không có thiện chí trả nợ, đã vi phạm Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 30/6/2020, Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày **02/3/2021**, anh P còn nợ số tiền:

Dư nợ gốc: 11.844.498đ.

Lãi quá hạn: 3.772.510đ.

Dư nợ: 15.617.008đ.

Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh P tiếp tục trả nợ là có căn cứ.

**Tổng cộng số nợ anh P phải trả Ngân hàng đối với hai hợp đồng trên như sau:**

Dư nợ gốc:  $68.000.000đ + 11.844.498đ = 79.844.498đ$

Lãi trong hạn: 8.100.000đ

Lãi quá hạn:  $865.993đ + 3.772.510đ = 4.638.583đ$ .

Tổng cộng:  $79.844.498đ + 8.100.000đ + 4.638.583đ = 92.583.001đ$

[3] Về án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Hồng P phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm 4.629.150đ (tính tròn 4.630.000đ). (cách tính như sau:  $92.583.001đ \times 5\% = 4.629.150đ$ ).

Ngân hàng TMCP S không phải nộp án phí, nên hoàn trả Ngân hàng TMCP S 2.127.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005842 ngày 06/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 7, 8 và 10 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

#### **1/ Về nội dung:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc anh Nguyễn Hồng P phải trả Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 92.583.001đ (chín mươi hai triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, không trăm lẻ một đồng). Cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số LD1807900662, ngày 20/3/2018:

- **Dư nợ gốc: 68.000.000đ.**

- **Lãi trong hạn: 8.100.000đ.**

- Lãi quá hạn: 865.993đ.
- Tổng cộng: 76.965.993đ.

2. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ 356480-6289 ngày 19/01/2016:

- Dư nợ gốc: 11.844.498đ.
- Lãi quá hạn: 3.772.510đ.
- Dư nợ: 15.617.008đ.

Kể từ ngày 03/3/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1807900662, ngày 20/3/2018 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ngày 19/01/2016.

## **2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc anh Nguyễn Hồng P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 4.630.000đ (bốn triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP S 2.127.000đ (hai triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005842 ngày 06/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Đặng Thị Mỹ Thuận**

